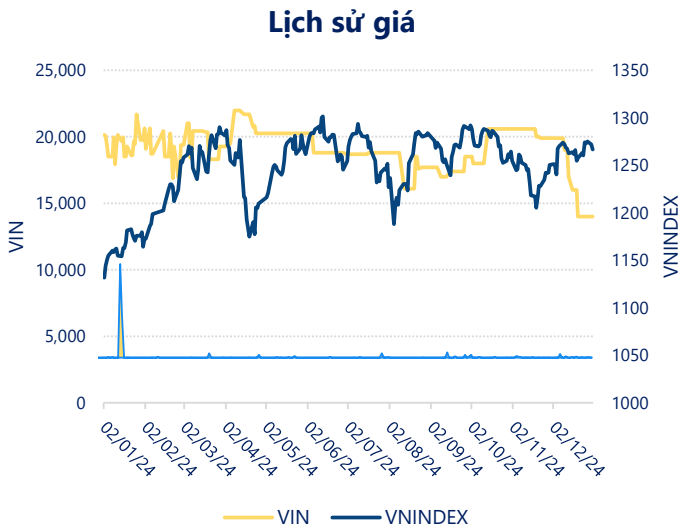
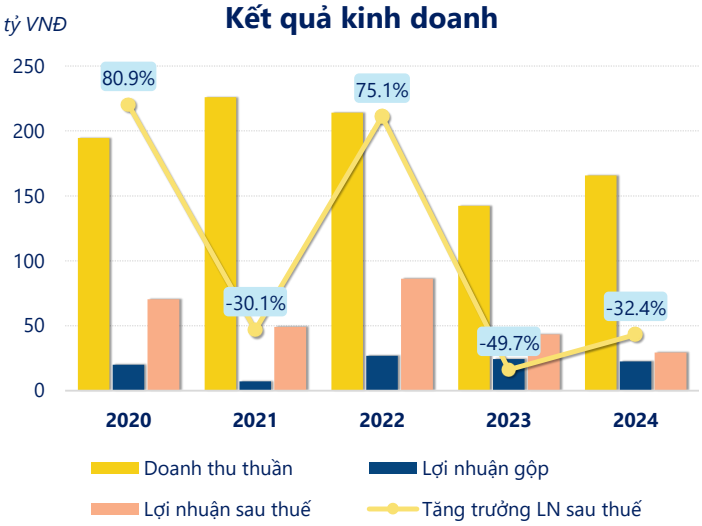
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	14,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-



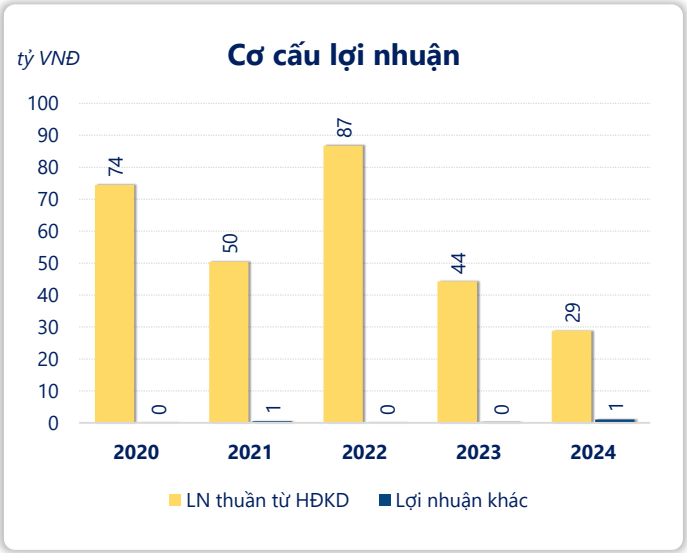
	2024	YoY
DT thuần	166 tỷ VNĐ	▲ 24.0 ▲ 16.3%
LN gộp	22.5 tỷ VNĐ	▼ 1.80 ▼ 7.4%
LN thuần	28.8 tỷ VNĐ	▼ 15.5 ▼ 34.9%
LN sau thuế	29.3 tỷ VNĐ	▼ 14.0 ▼ 32.4%

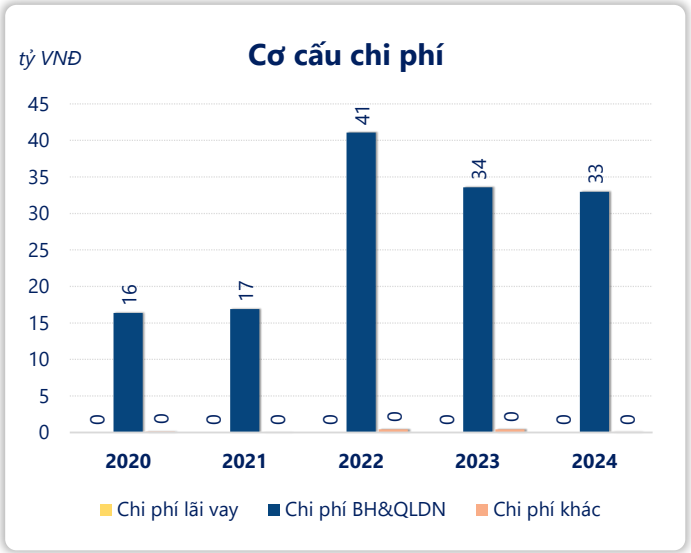


	2024	+/- YoY
ROE	5.2%	▼ 2.6%
ROA	4.9%	▼ 2.3%

Kết quả kinh doanh **VIN** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 16.3%** đạt **165.7** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 32.4%** chỉ còn **29.29** tỷ đồng.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **5.17%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

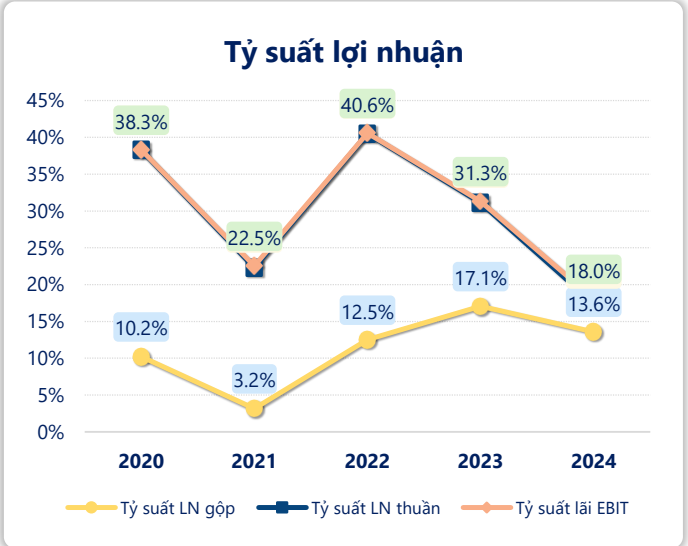


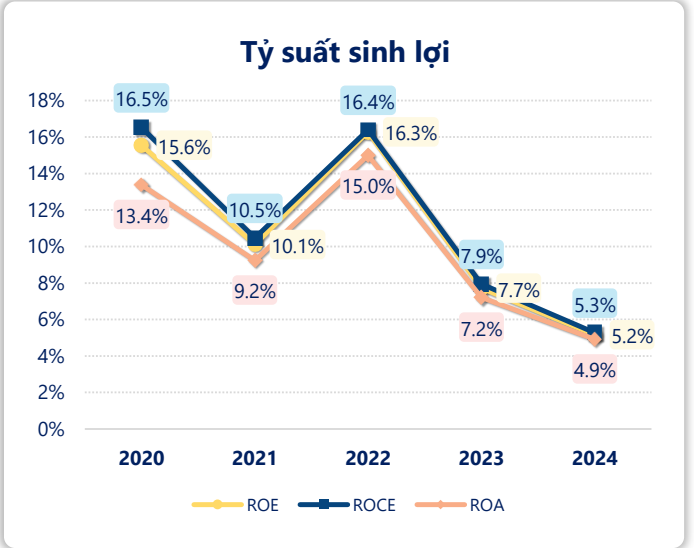


Năm **2024**, **VIN** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **28.84** tỷ đồng, **giảm đi 15.49** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (56.96 tỷ đồng) là 28.13 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

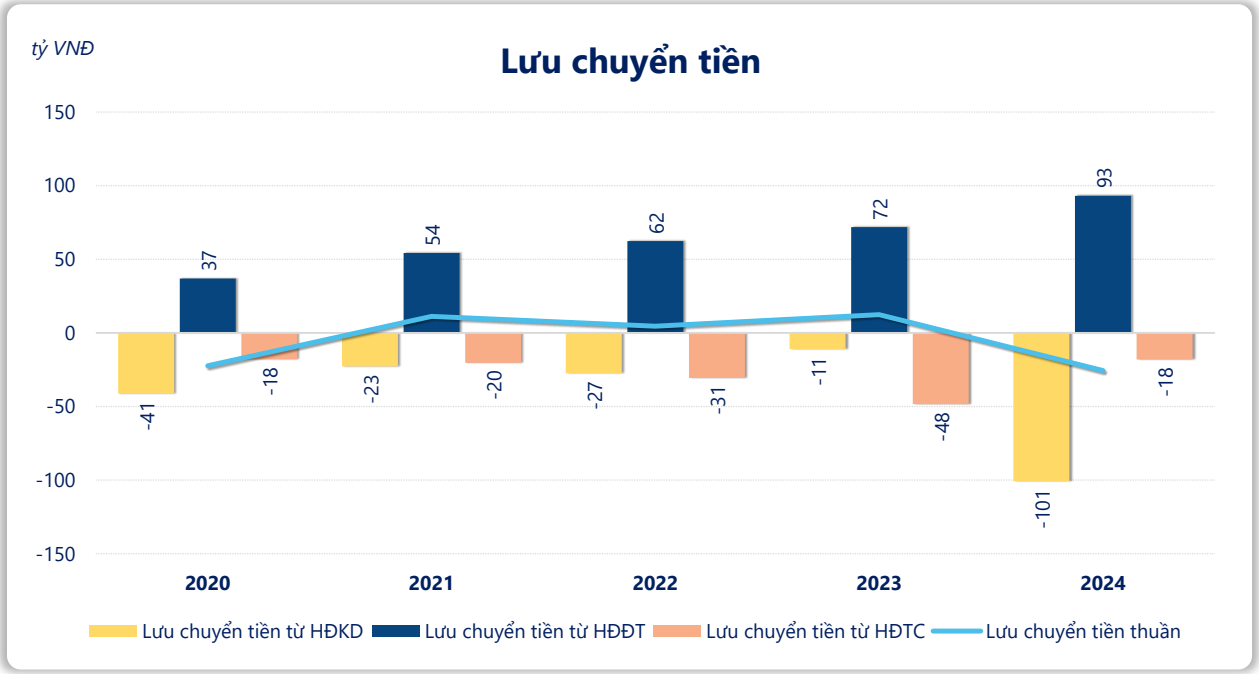
Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm xuống** còn **32.98** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.06** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của VIN năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **5.17%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**195**	**226**	**214**	**142**	**166**
Giá vốn hàng bán	175	219	187	118	143
Lợi nhuận gộp	**19.9**	**7.16**	**26.8**	**24.3**	**22.5**
Doanh thu HĐTC	30.9	44.8	65.6	32.8	24.7
Chi phí TC	0.01	0.02	0.16	2.25	-2.18
Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
LN trong công ty LKLD	40.1	15.4	35.6	23.1	12.4
Chi phí bán hàng	0	0	15.2	8.85	7.12
Chi phí QLDN	16.4	16.9	25.9	24.7	25.9
LN thuần từ HĐKD	**74.5**	**50.4**	**86.8**	**44.3**	**28.8**
Lợi nhuận khác	0.03	0.50	0.15	0.28	1.07
LN trước thuế	**74.5**	**50.9**	**86.9**	**44.6**	**29.9**
Lợi nhuận sau thuế	**70.4**	**49.2**	**86.1**	**43.3**	**29.3**
LNST của CĐ cty mẹ	**70.1**	**49.1**	**86.2**	**43.3**	**29.2**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VIN bằng **-25.59** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (12.41 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-100.7** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **93.15** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-18.00** tỷ đồng.